

Số: 36/QĐ-UBND

Minh Tiến, ngày 06 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Minh Tiến trình HĐND xã, dự toán đã được HĐND xã quyết định

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Minh Tiến về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2022;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Minh Tiến trình HĐND xã, dự toán đã được HĐND xã phê chuẩn (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Minh Tiến, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm trong xã;
- Lưu: VT – UBND, ban tài chính.

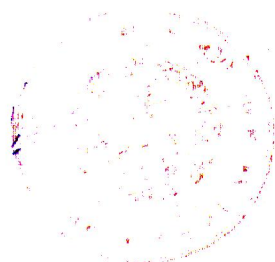
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Văn Bảo

1000

1000



BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai dự toán năm 2022 trình HĐND xã,
dự toán đã được HĐND xã quyết định**

Hôm nay, hồi 8 giờ ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại UBND xã Minh

Tiến **Thành phần gồm có:**

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| 1. Ông: Dương Văn Bảo | - Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Vũ Thị Kim Thoa | - Kế toán NS xã |
| 3. Bà: Lương Thị Hương | - Công chức VP thống kê xã |

Có sự chứng kiến của:

- | | |
|------------------------|----------------------|
| 1. Ông: Vũ Thanh Hưng | - P. CT UBND xã |
| 2. Ông: Ma Văn Nguyên | - Thanh tra nhân dân |
| 3. Bà: Vũ Thị Kim Thoa | - CT công đoàn |

*** / Nội dung:** Lập biên bản niêm yết công khai dự toán năm 2022 trình HĐND xã, dự toán đã được HĐND xã quyết định với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai dự toán năm 2022 trình HĐND xã, dự toán đã được HĐND xã quyết định.

(Có phụ biểu số 103/CKTC-NSNN, số 104/CKTC-NSNN, số 105/CKTC-NSNN, số 106/CKTC-NSNN, số 107/CKTC-NSNN, số 108/CKTC-NSNN, số 109/CKTC-NSNN, số 110/CKTC-NSNN, số 111/CKTC-NSNN, số 112/CKTC-NSNN, số 113/CKTC-NSNN, số 114/CKTC-NSNN, số 115/CKTC-NSNN và thuyết minh dự toán ngân sách kèm theo)

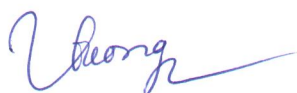
- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 06/01/2022 đến hết ngày 11/02/2022.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã, trên hệ thống loa truyền thanh, thông qua trường xóm, thông qua trang thông tin điện tử của xã.

Biên bản lập xong hồi 8 giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

**TM. UBND XÃ MINH TIẾN
CHỦ TỊCH**



Lương Thị Hương



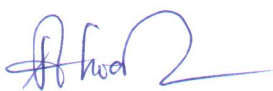
Dương Văn Bảo

Kế toán

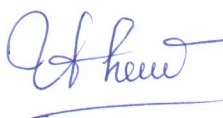
ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

Công Đoàn

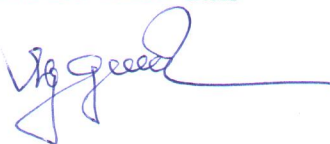
Thanh tra nhân dân



Vũ Thị Kim Thoa



Vũ Thị Kim Thoa



Ma Văn Nguyên

UBND XÃ MINH TIẾN

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022



Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	4.874.139	TỔNG SỐ CHI	4.874.139
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	65.000	I. Tiết kiệm chi	62.594
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	110.000	II. Chi thường xuyên	4.504.851
III. Thu bổ sung	4.482.445	III. Dự phòng	90.000
- Bổ sung cân đối	4.482.445	IV. Chi chuyển nguồn	216.694
IV. Thu chuyển nguồn	216.694		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

100

100

100

100

100

100

UBND XÃ MINH TIỀN

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	4.874.139	4.874.139
I	Các khoản thu 100%	65.000	65.000
	Phí, lệ phí	25.000	25.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		0
	Thu khác	40.000	40.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	110.000	110.000
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	Lệ phí mua bán	11.000	11.000
	Thuế ngoài quốc doanh (thuế hộ khoán cố định GTGT)	30.000	30.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	15.000	15.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	54.000	54.000
	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	39.000	39.000
	Thuế TNCN từ SXKD	15.000	15.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	216.694	216.694
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.482.445	4.482.445
	- Thu bổ sung cân đối	4.482.445	4.482.445

UBND XÃ MINH TIỀN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021		
		TỔNG SỐ	THƯỜNG XUYÊN	TIẾT KIỆM CHI TX
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	4.874.139	4.811.545	62.594
	Trong đó	0		
1	Chi giáo dục	0	0	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
3	Chi y tế	53.640	53.640	
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000	31.500	3.500
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0	0	
6	Chi thể dục thể thao	25.000	22.500	2.500
7	Chi hỗ trợ khác	0		
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.000	31.500	3.500
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.609.438	3.563.844	45.594
10	Chi cho công tác xã hội	126.188	126.188	
11	Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	680.179	672.679	7.500
12	Chi khác	3.000	3.000	
13	Dự phòng ngân sách	90.000	90.000	
14	Chi chuyển nguồn năm sau	216.694	216.694	



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2021	Dự toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	Nguồn cân đối ngân sách
TỔNG SỐ		4.020	0	3.848	3.665	183	3.665	183	
1. Công trình trả nợ		4.020	0	3.848	3.665	183	3.665	183	
Đường liên xã Phú Cường - Minh Tiến (từ cầu treo Minh Hòa - đến đình Làng Cướm)	2020	4.020		3.848	3.665	183	3.665	183	
Đường giao thông liên xóm Tân Hợp 3 - Tân Hợp 4 - Tân Hợp 5 xã Minh Tiến (Xi măng A cấp)	2020	5.083		4.828	4.020	808	4.020	808	
Trạm bơm điện xóm 2 Hòa Tiến xã Minh Tiến	2020	2.163		2.073	1.568	505	1.568	505	
Trường Tiểu học Minh Tiến, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	2020	4.134		3.903	3.320	583	3.320	583	
Tường bao sân vận hóa thể thao xã Minh Tiến	2020	2.320		2.244	1.887	357	1.887	357	
Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Minh Tiến, hạng mục: Xây dựng nhà làm việc 1 Cửa	2020	793		737	200	537	200	537	

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			KẾ HOẠCH NĂM 2022		
	(năm hiện hành)					
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	152.400	152.400	0	152.400	152.400	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	152.400	152.400	0	152.400	152.400	0
Quỹ vì người nghèo	21.450	21.450	0	21.450	21.450	0
Đền ơn đáp nghĩa	21.400	21.400	0	21.400	21.400	0
Quỹ bảo trợ trẻ em	21.425	21.425	0	21.425	21.425	0
Quỹ khuyến học	21.450	21.450	0	21.450	21.450	0
Quỹ người cao tuổi	21.425	21.425	0	21.425	21.425	0
Quỹ nhân đạo	21.500	21.500	0	21.500	21.500	0
Quỹ phòng chống thiên tai	23.750	23.750		23.750	23.750	
2. Các hoạt động sự nghiệp	0					
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC NĂM 2021	SỐ SÁNH (%)
A	B	I	2	3=2/I
I	TỔNG SỐ THU	4.874.139	4.874.139	100.00
1	Các khoản thu 100%	65.000	65.000	100.00
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)	110.000	110.000	100.00
3	Thu bổ sung	4.482.445	4.482.445	100.00
	- Thu bổ sung cân đối	4.482.445	4.482.445	100.00
4	Thu chuyển nguồn	216.694	216.694	100
II	TỔNG SỐ CHI	4.874.139	4.874.139	100.00
1	Chi thường xuyên	4.504.851	4.504.851	100.00
2	Tiết kiệm chi 10% TX	62.594	62.594	100.00
3	Dự phòng	90.000	90.000	100.00
4	Chi chuyển nguồn CCTL sang năm sau	216.694	216.694	100.00
5	Chi đầu tư xây dựng			



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

ĐVT: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC TH NĂM 2021		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B		2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU						
I	Các khoản thu 100%	4.874.139	4.874.139	4.874.139	4.874.139	100.00	100.00
	Phí, lệ phí	175.000	175.000	175.000	175.000	100.00	100.00
	Phí lệ đường bến bãi						
	Phí môn bài						
	Lệ phí chứng thư						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân						
	Thu khác	40.000	40.000	40.000	40.000	100.00	100.00
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	Lệ phí trước bạ nhà đất	15.000	15.000	15.000	15.000	100.00	100.00
	Thuế GTGT (Thuế hộ khoán cố định)	30.000	30.000	30.000	30.000	100.00	100.00
	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	39.000	39.000	39.000	39.000	100.00	100.00
	Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	15.000	15.000	15.000	15.000	100.00	100.00
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	216.694	216.694	216.694	216.694	100.00	100.00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.482.445	4.482.445	4.482.445	4.482.445	100.00	100.00
	- Thu bổ sung cân đối	4.482.445	4.482.445	4.482.445	4.482.445	100.00	100.00



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC TH NĂM 2021			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.874.139	-	4.874.139	4.874.139	-	4.874.139	100.00		100.00
1	Chi giáo dục	-		-	-	-	-			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		-	-		-			
3	Chi y tế	53.640		53.640	53.640		53.640			
4	Chi văn hóa thông tin	31.500		31.500	31.500		31.500	100.00		100.00
5	Chi phát thanh truyền hình	-		-	-		-			
6	Chi thể dục thể thao	22.500		22.500	22.500		22.500	100.00		100.00
7	Chi hỗ trợ khác	3.000		3.000	3.000		3.000			
8	Chi hoạt động kinh tế	31.500		31.500	31.500		31.500			
9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.563.844		3.563.844	3.563.844		3.563.844	100.00		100.00
10	Chi cho công tác xã hội	126.188		126.188	126.188		126.188	100.00		100.00
11	Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	672.679		672.679	672.679		672.679	100.00		100.00
12	Tiết kiệm chi	62.594		62.594	62.594		62.594	100.00		100.00
13	Dự phòng ngân sách	90.000		90.000	90.000		90.000	100.00		100.00
14	Chi chuyển nguồn năm sau	216.694		216.694	216.694		216.694	100.00		100.00

1000

1000

THUYẾT MINH
DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ MINH TIỀN NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2022 của UBND xã Minh Tiến)

Căn cứ luật tổ chức luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

UBND xã Minh Tiến thuyết minh dự toán ngân sách năm 2021 cụ thể như sau:

1. Dự toán thu ngân sách năm 2022:

Tổng thu ngân sách năm 2022: 4.874.139.000 đồng

Trong đó:

Thu cân đối: 175.000.000 đồng

Thu bổ sung cân đối: 4.482.445.000 đồng

Thu chuyển nguồn CCTL: 216.694.000 đồng

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	THU NGÂN SÁCH		GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	NSX HƯỞNG	
	<u>PHẦN THU</u>	4.874.139.000	4.874.139.000	
	Tổng thu (A + B+C)	4.874.139.000	4.874.139.000	
A	Tổng thu cân đối (I + II+ ...+VII)	175.000.000	175.000.000	
I	Thu ngoài quốc doanh	30.000.000	30.000.000	
1	Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	30.000.000	30.000.000	
II	Thuế SD đất phi nông nghiệp (thuế nhà đất)	-	-	
III	Thuế sử dụng đất NN	-	-	
IV	Phí - Lệ phí	36.000.000	36.000.000	
	Phí môn bài	11.000.000	11.000.000	
	- Lệ phí chứng thư	25.000.000	25.000.000	
V	Thuế thu nhập cá nhân	54.000.000	54.000.000	
1	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	39.000.000	39.000.000	
2	Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	15.000.000	15.000.000	
VI	Lệ phí trước bạ đất	15.000.000	15.000.000	
VII	Thu khác tại xã	40.000.000	40.000.000	



B	Thu trợ cấp	4.482.445.000	4.482.445.000	
	- Trợ cấp cân đối	4.482.445.000	4.482.445.000	
C	Thu chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	216.694.000	216.694.000	

2. Dự toán chi ngân sách năm 2022:

Tổng chi ngân sách năm 2022: 4.874.139.000 đồng

Trong đó:

Chi thường xuyên: 4.504.851.000 đồng

Tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương : 62.594.000 đồng

Chi dự phòng: 90.000.000 đồng

Chi chuyển nguồn CCTL: 216.694.000 đồng

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND giao	Trong đó: Tiết kiệm chi 10%	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	Tổng cộng (A+B+C+D)	4.874.139.000	62.594.000	
A	Tổng chi ngân sách xã (I+II)	4.504.851.000		
I	Chi đầu tư phát triển	0		
II	Chi thường xuyên	4.504.851.000		
1	Chi công tác dân quân TV, ANTT	672.678.652		
a	Chi dân quân tự vệ	436.916.652		
	- Chi lương + BH	105.000.000		
	- Chi PC XĐP + DQTV	184.700.400		
	- Chi huấn luyện	99.000.000		
	- Chi thường xuyên	33.750.000	3.750.000	
	- Phụ cấp thâm niên quân sự	14.466.252		
b	Chi an ninh trật tự	235.762.000		
	- Chi PC CAV	177.012.000		
	- Chi thường xuyên	33.750.000	3.750.000	
	- Hỗ trợ công an chính quy	25.000.000		
2	Sự nghiệp văn hoá, thông tin (HT truyền thanh)	31.500.000	3.500.000	
3	Sự nghiệp thể thao	22.500.000	2.500.000	
4	Sự nghiệp kinh tế	31.500.000	3.500.000	
	Sự nghiệp giao thông	12.000.000		

	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	19.500.000		
	Các sự nghiệp khác			
5	Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể	3.728.672.348		
5.1	Quản lý nhà nước	2.119.428.748		
5.1.1	Ủy ban	1.868.580.800	31.394.000	
	- Chi lương CBCC,CT + BH	1.151.000.000		
	- Chi PC Trưởng xóm	207.408.000		
	- Chi trả CB không chuyên trách	63.652.800		
	- Chi trả CBHD xã (BV,UNT...)	65.880.000		
	- Hỗ trợ trông coi di tích lịch sử	12.000.000		
	- Chi thường xuyên	202.000.000		
	- Phụ cấp nhân viên y tế xóm	53.640.000		
	- Chi BD người trực tiếp tham gia công việc của xóm	113.000.000		
5.1.2	HĐND xã	250.847.948		
	- Chi lương CBHĐND + BH	105.000.000		
	- Chi PC TVHĐND	113.126.348		
	- Chi PC 2 ban	5.721.600		
	- Chi thường xuyên	27.000.000	3.000.000	
5.1.3	Đảng cộng sản Việt Nam	527.472.000		
	- Chi lương + BH	214.000.000		
	- Chi PC cấp uỷ + KP HĐ	89.732.000		
	- Chi PC BTCB	178.800.000		
	- Chi trả CB không chuyên trách	8.940.000		
	- Chi thường xuyên	36.000.000	4.000.000	
5.1.4	Mặt trận tổ quốc	372.952.400		
	- Chi lương + BH	105.000.000		
	- Chi PC Phó CT MTTQ	29.144.400		
	- Chi hỗ trợ Trưởng Ban MT	118.008.000		
	- Chi thường xuyên	10.800.000	1.200.000	
	- Chi hoạt động BCĐ TĐĐKXDĐSVH	25.000.000		
	- Chi hoạt động cụm dân cư (10 xóm x 5.000.000đ)	50.000.000		
	-Chi kinh phí TĐĐKXDĐSVH đô thị văn minh	20.000.000		
	- Chi thanh tra nhân dân	5.000.000		
	- Chi giám sát cộng đồng	10.000.000		
5.1.5	Đoàn thanh niên CSHCM	150.495.600		

	- Chi lương + BH	105.000.000		
	- Chi PC Phó BT Đoàn	24.495.600		
	- Chi thường xuyên	9.000.000	1.000.000	
	- Đại hội Đoàn thanh niên	12.000.000		
5.1.6	Hội phụ nữ Việt Nam	138.495.600		
	- Chi lương + BH	105.000.000		
	- Chi PC Phó PN	24.495.600		
	- Chi thường xuyên	9.000.000	1.000.000	
5.1.7	Hội nông dân Việt Nam	143.144.400		
	- Chi lương + BH	105.000.000		
	- Chi PC Phó ND	29.144.400		
	- Chi thường xuyên	9.000.000	1.000.000	
5.1.8	Hội cựu chiến binh Việt Nam	150.495.600		
	- Chi lương + BH	105.000.000		
	- Chi PC Phó CCB	24.495.600		
	- Chi thường xuyên	9.000.000	1.000.000	
	- Chi Đại hội hội CCB	12.000.000		
5.1.9	Hội người cao tuổi	49.456.000		
	- Chi phụ cấp	21.456.000		
	- Chi mừng thọ NCT	28.000.000		
5.1.10	Hội chữ thập đỏ	21.456.000		
	- Chi phụ cấp	21.456.000		
5.1.11	Hội đa cam	16.092.000		
	- Chi phụ cấp	16.092.000		
5.1.12	Hội khuyến học	23.092.000		
	- Chi phụ cấp	16.092.000		
	- Đại hội hội Khuyến học	7.000.000		
5.1.13	Hội đông y	16.092.000		
	- Chi phụ cấp	16.092.000		
6	Chi hỗ trợ khác (Y tế, giáo giục, hội đặc thù...)	18.000.000	2.000.000	
B	Dự phòng	90.000.000		
C	Tiết kiệm chi (10%)	62.594.000		
D	Chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	216.694.000		

